TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 20 – 10 – 2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Sơn Hùng.
2. Ông Mai Minh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: tổ 2, ấp Mỹ Thiện, xã X, huyện N, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: tổ 2, ấp Mỹ Thiện, xã X, huyện N, tỉnh An Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P trình bày: Nguyễn Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay nhưng không có đăng ký hết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng cảm thấy không hợp nhau về mặt tình cảm và công việc làm ăn, từ đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Nhận thấy nếu kéo dài thì sẽ ảnh hưởng đến công việc, tương lai của hai người do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên Nguyễn Hồng P yêu cầu được ly hôn với bà V. Quá trình chung sống, Nguyễn Hồng P và bà V không có con chung. Về quan hệ tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy V trình bày: Bà V và Nguyễn Hồng P chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như ông Nguyễn Hồng P trình bày là cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể

hàn gắn được nữa. Nay, ông Nguyễn Hồng P yêu cầu được ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn. Về quan hệ con chung: không có. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P xác định lại giữa ông và bà V sống chung với nhau vào năm 2002, chứ không phải năm 2000 như đơn khởi kiện trình bày. Ông Nguyễn Hồng P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy V. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện.

- Bị đơn chị V: Thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau năm 2002. Bà V đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Hồng P. Thống nhất với ông Nguyễn Hồng P về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung như ông Nguyễn Hồng P trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hồng P khởi kiện xin ly hôn với bà V, bà V hiện cư trú tại ấp Mỹ Thiện, xã X, huyện N, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng P và bà V chung sống từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, Nguyễn Hồng P và bà V chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Hồng P và bà V đều có ý kiến cho rằng khi chung sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong công việc kinh doanh, cuộc sống không còn hạnh phúc, cả hai xác định không còn tình cảm, không tạo điều kiện tiếp tục chung sống với nhau nên đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V.

- Về quan hệ con chung, nợ chung: Nguyễn Hồng P, bà V thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Nguyễn Hồng P khởi kiện xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Nguyễn Hồng P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V.

- Về quan hệ con chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017256 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh